TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/DS-PT
Ngày: 27-5-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.
Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;
Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Đ, sinh năm 1920; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2019). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1957

3.2. Chị Võ Thị T, sinh năm 1977

3.3. Anh Trần Minh H, sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.4. Anh Võ Thanh T, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Y, chị Võ Thị T: Ông Võ Văn H, sinh năm 1953, địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền 02/4/2018 và ngày 16/7/2018).

3.5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Cụ Nguyễn Đ - Là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Ông Mai Văn H đại diện theo ủy quyền cụ Đ trình bày:* Vào khoảng năm 1960, cụ Nguyễn Đ di dân vào Miền Nam được chế độ cũ cấp diện tích đất sản xuất là 03 ha, cụ Đ sản xuất liên tục đến năm 1977-1978 thì chiến tranh biên giới Tây Nam xảy ra nên gia đình di tản về Đồng Nai sinh sống. Năm 1979 kết thúc chiến tranh thì gia đình cụ Đ trở về canh tác trên phần đất cũ, đến khoảng năm 1981 Nhà nước quy hoạch làm Nông trường Sở Hạ nên lấy đất của cụ Đ. Đến năm 1987, Nông trường Sở Hạ giải thể và giao phần đất lại cho Huyện đội huyện H quản lý, đến năm 1999 thì Huyện đội giao lại cho UBND xã T quản lý, sau đó UBND xã T cho người dân thuê lại nhưng không cho cụ Đ thuê, nên cụ Đ có khiếu nại đến UBND xã T giải quyết (vụ việc chỉ trình bày bằng miệng nhưng không có gì chứng minh). Đến năm 2000, ông H đã đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất của cụ Đ và kê khai rằng nguồn gốc là của cha ông H khai mở.

Năm 2005, cụ Đ khiếu nại đến UBND huyện H và được giải quyết tại Quyết định số 2063/QĐ-UBND.NĐ ngày 17-8-2006 về việc không chấp nhận khiếu nại đòi lại đất của cụ Đ với lý do: "Sau khi quy hoạch Nông trường Sở Hạ, Nhà nước tổ chức cấp lại đất cho ông, nhưng ông không nhận đất do không có người canh tác". Cụ Đ không thống nhất nên tiếp tục khiếu nại lên

UBND tỉnh Đồng Tháp và được trả lời bằng Công văn số 946/VPUBND-NC ngày 25-11-2008, về việc không chấp nhận khiếu nại của cụ, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên đến năm 2017 cụ mới khởi kiện tại Tòa án.

Nay, cụ Nguyễn Đ yêu cầu ông Võ Văn H và chị Võ Thị T trả lại diện tích đất 20.821m^2, thuộc thửa 3111 và 3112, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng: Chuyên trồng lúa nước, đất tại ấp D, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Võ Văn H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị T và bà Nguyễn Thị Y trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Võ Văn Q (cha ruột của ông H) khai mở, năm 1971, ông Q hy sinh để lại cho ông H tiếp tục canh tác, đến năm 1977-1978 thì chiến tranh biên giới Tây Nam xảy ra, nên gia đình ông H di tản. Năm 1979, kết thúc chiến tranh thì gia đình ông H trở về canh tác trên phần đất cũ, đến năm 1982 Nhà nước thành lập Nông trường Sở Hạ, phần đất của ông H được quy hoạch vào Nông trường, khi đó do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên ông H có xin Nông trường Sở Hạ được canh tác trên phần diện tích đất của ông và ông đồng ý nộp lại l0kg lúa/công cho Nông trường. Ông H canh tác đến năm 1989 thì Nông trường Sở Hạ giải thể và giao phần đất tranh chấp cho Huyện đội huyện H quản lý. Sau đó, ông H được Huyện đội cho thuê canh tác hàng năm, đến năm 1999 thì Huyện đội giao lại cho UBND xã T quản lý. Khi đó ông H có làm đơn xin được cấp đất, ngày 30-9-1999 thì Thanh tra huyện H lập Bảng đề nghị số 73/ĐN.TTr-ĐC, về việc đề nghị UBND huyện H xem xét, quyết định giao quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn H, đến ngày 25-01-2000 thì UBND huyện H ban hành Quyết định số 34/QĐ-UB, về việc cấp 20.000m^2 đất cho ông H tại Tập đoàn 12, ấp C, xã T, đồng thời được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn H, thuộc thửa số 996, tờ bản đồ số 02, đất tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Năm 2015, ông H làm đơn xin được tách thửa số 996 thành 03 thửa số: 3111, 3112 và 3113, đồng thời ngày 03-6-2015 ông H lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con ruột là chị Võ Thị T diện tích đất là l0.000m^2, thuộc thửa 3111, tờ bản đồ số 02, phần diện tích còn lại ông H vẫn canh tác cho đến nay. Do đó, ông H và chị T không thống nhất theo yêu cầu của ông Đ.

- *Chị Nguyễn Thị L trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của ông Mai Văn H là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đ, không trình bày gì thêm.

- *Anh Trần Minh H (chồng của chị T) trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của ông H, phần diện tích đất thuộc thửa 3111 là của ông H cho riêng cá nhân chị T, anh H không tranh chấp, không yêu cầu, mọi vấn đề liên quan trong vụ án do ông H quyết định.

- *Anh Võ Thanh T trình bày:* Thống nhất theo lời khai của ông H, anh T không tranh chấp, không yêu cầu, mọi vấn đề liên quan trong vụ án do ông H quyết định.

Ngoài ra, ông H và ông H thỏa thuận giá đất tại thời điểm tranh chấp có giá trị là 45.000đồng/m^2 (Theo biên bản thỏa thuận giá trị đất tranh chấp ngày 26-9-2018).

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đ về việc đòi ông Võ Văn H và chị Võ Thị T trả lại diện tích đất là 20.821 m^2, thuộc các thửa 3111 và 3112, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Đ chịu số tiền là 10.119.000đồng, ông Nguyễn Đ đã nộp xong, nên không phải nộp thêm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đ được miễn nộp theo quy định pháp luật (do thuộc trường hợp là người cao tuổi).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 11 năm 2018, cụ Nguyễn Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, buộc ông Võ Văn H và chị Võ Thị T trả lại toàn bộ diện tích đất là 20.281m^2, đất tại ấp D, xã T, huyện H cho cụ Nguyễn Đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án và không có cung cấp bổ sung chứng cứ mới.

+ Bị đơn: Đồng ý theo quyết định của bản án sơ thẩm và không có bổ sung chứng cứ mới.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Phần đất tranh chấp đã được Nhà nước thực hiện chính sách quản lý đất đai qua nhiều giai đoạn. Khi chiến tranh biên giới Tây Nam xảy ra năm 1978 – 1979 thì đất bị bỏ hoang, sau chiến tranh thì Nhà nước quy hoạch đất hoang thành lập Nông trường Sở Hạ vào năm 1981, khi Nông trường giải thể thì đất được giao lại cho Huyện đội quản lý vào năm 1989, tiếp theo đến năm 1999 thì Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Tuy nhiên, khi Nông trường Sở Hạ thành lập đã giao phần đất này cho ông H thuê canh tác liên tục. Quá trình sử dụng đất của ông H đã được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/5/2000. Do đó, ông Đ yêu cầu trả đất là không có cơ sở, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đ; bà Nguyễn Thị Y, chị Võ Thị T ủy quyền cho ông Võ Văn H, thủ tục ủy quyền là phù hợp pháp luật nên chấp nhận; anh Trần Minh H, anh Võ Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Ông Đ trình bày, nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của ông được chính quyền chế độ cũ cấp cho ông vào năm 1960, diện tích 20.821m^2 tại thửa số 3111, 3112 tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông Võ Văn H vào ngày 25/01/2000, cấp đổi giấy chứng nhận ngày 28/5/2015, đất tại ấp D, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Ông Đ cho rằng, năm 1977- 1978 chiến tranh biên giới nên ông tạm đi nơi khác sinh sống, khi kết thúc chiến tranh (năm 1979) thì ông trở về canh tác tiếp tục. Theo chủ trương của Nhà nước, ông thống nhất giao đất cho Nông trường Sở Hạ (Nông trường) quản lý sử

dụng, tiếp theo là Huyện đội H quản lý sử dụng (do Nông trường giải thể), nhưng sau đó thì Huyện đội tiếp tục giao đất lại cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý theo quy định của pháp luật.

[3] Ông H trình bày, ông canh tác đất từ khi Nông trường còn quản lý, với hình thức là Nông trường giao khoán cho dân sản xuất nộp sản phẩm 10kg/công/năm và khi Huyện đội quản lý cũng thống nhất cho ông tiếp tục sản xuất và ông bắt đầu canh tác liên tục đến năm 1999. Thực hiện chủ trương cấp đất của Nhà nước, ông H xin được cấp đất ngay phần đất đang canh tác và theo đề nghị của Thanh tra huyện H (Văn bản số 73/ĐN-TTr-ĐC ngày 30/9/1999), Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 34/QĐ-UB ngày 25/01/2000, đã giao đất cho ông H diện tích là 20.000m^2, đất tại ấp C, xã T, huyện H (hiện tại đất thuộc ấp D, xã T), nay ông H được cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật (ông H tặng cho chị T diện tích thửa 3111).

[4] Việc sử dụng đất của ông H có các nhân chứng sau đây xác nhận: Ông Phạm Văn S nguyên là Giám đốc, ông Hà Đức B nguyên Phó Giám đốc của Nông trường và ông Lý Văn B đều trình bày thống nhất với nhau về quá trình sử dụng đất của ông H, như lời khai của ông H nói trên. Đồng thời, ông Phan Xuân H (vào thời điểm Huyện đội H quản lý đất thì ông giữ chức vụ là Huyện đội trưởng) và ông Nguyễn Xuân V cũng có lời trình bày xác nhận việc sử dụng đất của ông H là đúng.

Ông H1 đại diện cho ông Đ trình bày, thời điểm Ủy ban nhân dân xã T quản lý đất, thì ông Đ có khiếu nại nhưng không được chính quyền địa phương của xã giải quyết (chỉ khiếu nại bằng lời nói). Năm 2005, ông Đ khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện H và tại Quyết định số 2063/QĐ-UBND-NĐ ngày 17/8/2006, của Ủy ban nhân dân Huyện đã giải quyết với nội dung là không chấp nhận việc đòi lại đất, với lý do là "sau khi quy hoạch Nông trường Sở Hạ, Nhà nước tổ chức cấp lại đất cho ông, nhưng ông không nhận do không có người canh tác". Ông H1 thừa nhận hoàn cảnh của hộ ông Đ chỉ có ông Đ và chị L (vợ của ông Đ đã chết vào năm 1998). Năm 2008, ông Đ cùng với một số hộ dân khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Tỉnh và tại Văn bản số 946/VPUBND-NC ngày 25/11/2008 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, trả lời cho các hộ khiếu nại về việc yêu cầu cho các hộ này được nhận thuê lại quỹ đất của Ủy ban nhân dân xã T là không thể xem xét được, vì Ủy ban nhân dân xã đã giải quyết cho các hộ dân khác thuê và đã đúng đối tượng. Theo Công văn số

138/UBND-NC ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H, ý kiến như sau: Các thửa đất 3111, 3112, 3113 tách từ thửa 996. Thửa 996 diện tích 20.000m^2 được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H vào ngày 25/01/2000. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất nêu trên đúng trình tự thủ tục theo quy định. Đúng diện tích, số thửa, có đo đạc thực tế và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận không có tranh chấp.

[5] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Án sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên án sơ thẩm. Các phần quyết còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Ông Đ kháng cáo không được chấp nhận, nhưng ông là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đ về việc đòi ông Võ Văn H và chị Võ Thị T trả diện tích đất 20.821m^2, thuộc thửa số 3111, 3112, tờ bản đồ số 2, đất tại ấp D, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Án phí dân sự: Ông Nguyễn Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.119.000đ (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vạng